TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2022
V/v: Ly hôn giữa ông T và bà C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Chung

Bà Trần Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Văn Kiên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Số nhà 9 đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Số nhà 9 đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Mạnh T có mặt. Bị đơn là bà Đỗ Thị C có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2021, bản tự khai, nguyên đơn là ông Đỗ Mạnh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 08-01-1986 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái. Ông nghi ngờ bà C không chung thủy. Ông xác định vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà C .

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Đỗ Thị Mai P, sinh năm 1986; Đỗ Hồng G, sinh năm 1989 và Đỗ Thanh T, sinh năm 1990. Cả ba con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Ông Đỗ Mạnh T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Đỗ Thị C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ngày 10-01-2022 Tòa án nhận được bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của bà Đỗ Thị C gửi theo đường công văn (không có xác nhận của chính quyền địa phương và công chứng viên).

Tại bản tự khai bà C trình bày: Bà và ông Đỗ Mạnh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08-01-1986 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung nên bà đồng ý ly hôn với ông T. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như ông T trình bày. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại Số nhà 9 đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Đây là tài sản do vợ chồng bà đóng góp để xây dựng nên. Bà xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận về tài sản. Trong trường hợp không thỏa thuận được thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của bà C đề nghị: Do tình hình dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp nên bà không đến Tòa án làm việc được. Bà từ chối hòa giải và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 10-12-2021, chính quyền địa phương nơi ông T và bà C sinh sống cung cấp: Vợ chồng ông Đỗ Mạnh T, bà Đỗ Thị C sinh sống tại: Số nhà 9 đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo tổ dân phố hòa

giải. Vợ chồng có ba con chung là Đỗ Thị Mai P, sinh năm 1986; Đỗ Hồng G, sinh năm 1989 và Đỗ Thanh T, sinh năm 1990.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa ông T và bà C .

Về con chung: Các con chung của ông T và bà C đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Đỗ Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà C theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08-01-1986 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; vợ chồng không có sự tin tưởng và chia sẻ lẫn nhau. Bà C đồng ý ly hôn với ông T. Tại phiên tòa ông T giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn với bà C . Xét mâu thuẫn của vợ chồng ông T và bà C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C có ba con chung là Đỗ Thị Mai Phương, sinh năm 1986; Đỗ Hồng Giang, sinh năm 1989 và Đỗ Thanh Thúy, sinh năm 1990. Cả ba con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được nên ông T và bà C không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Mạnh T là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đỗ Mạnh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa ông Đỗ Mạnh T và bà Đỗ Thị C.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí cho ông Đỗ Mạnh T.

4. Quyền kháng cáo: Ông Đỗ Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã M (ngày 08-01-1986);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA